

Sơn La ngày 20 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1- Những sự kiện quan trọng.

1.1- Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

1.2- Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 2403000081 ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/10/2006.

1.3- Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức lên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006.

1.4- Các sự kiện khác: Ngoài việc đảm bảo tiến độ thi công các hạng mục công trình do Công ty đảm nhận tại các công trình trọng điểm như các nhà máy Thủy điện: Tuyên Quang, Hồ Hô, Sơn La, Nậm Chiến. Hiện nay Công ty đang tiến hành góp vốn đầu tư vào các Nhà máy Thủy điện như: Thủy điện Sứ Pán 2 – Lào Cai có công suất 35 MW, Công ty góp 20% vốn điều lệ. Thủy điện Yan Tann Sien - Lâm Đồng có công suất 19,5 MW Công ty góp 54% vốn điều lệ. Thủy điện Tiên thành - Tỉnh Cao Bằng công suất 15MW, Công ty góp 51% vốn điều lệ. Thủy điện Nậm He - Điện Biên công suất 16,5 MW Công ty góp 51% vốn điều lệ. Ngoài ra công ty còn đầu tư vào một số dự án thủy điện khác **dưới dạng Liên doanh, liên kết.**

2- Quá trình phát triển.

2.1- Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 500 Kv;
- Xây dựng công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lấp đất;

- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; môi giới, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng.

2.2- Tình hình hoạt động:

- Từ năm 1996 trở về trước Công ty hoạt động SXKD chuyên ngành sản xuất vật liệu xây dựng cho công trường chủ yếu là đá dăm và vữa bê tông thương phẩm.
- Từ năm 1997 đến năm 2005 Công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh, ngoài việc giữ vững ngành nghề truyền thống là sản xuất VLXD, Công ty tham gia xây lắp các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình đường dây & trạm biến áp điện đến 500KV và đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản.
- Từ năm 2006 ngoài các công việc sản xuất kinh doanh đã nêu trên Công ty đã tiến hành đầu tư vào các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ và tham gia góp vốn đầu tư liên doanh liên kết vào các lĩnh vực khác ... theo xu thế hội nhập và phát triển của đất nước.

2.3- Định hướng phát triển.

a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Kế hoạch năm 2010 (Kế hoạch Công ty mẹ):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2010	Ghi chú
1	Tổng giá trị sản lượng	10 ³ đ	656.000.000	
	<i>Trong đó:</i>	10 ³ đ		
	+ Giá trị xây lắp	10 ³ đ	472.200.000	
	+ Ngoài xây lắp & SXCN	10 ³ đ	183.800.000	
2	Doanh thu	10 ³ đ	635.643.000	
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	670.569.800	
4	Các khoản nộp Nhà nước	10 ³ đ	42.564.510	
	<u>Trong đó:</u>			
	+ Thuế phải nộp.		37.470.510	
	+ Nộp BHXH		5.094.000	
5	Thu nhập bình quân	10 ³ đ	5.398	
6	Khấu hao tài sản cố định	10 ³ đ	20.478.760	
7	Tỷ lệ khấu hao	%	16,32	
8	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	50.100.000	
9	Tổng số CBCNV	Người	1.222	
10	Cổ tức	%	16	
11	Vốn điều lệ	10 ³ đ	150.000.000	

* Các mục tiêu chủ yếu:

- Hoàn thành vượt tiến độ các hạng mục công trình được giao tại Thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu và thủy điện Nậm Chiến.
- Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư của Công ty nhằm đưa công trình sớm đi vào hoạt động, khai thác. Bao gồm các dự án sau:

+) *Nhóm đầu tư các dự án thủy điện:*

+ Dự án thủy điện Yan Tann Sien – Lâm Đồng: Công suất 19,5 MW, vốn điều lệ 80 tỷ đồng. Công ty nắm giữ 54% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Nậm He - Điện Biên: công suất 16,5 MW, vốn điều lệ 70 tỷ đồng. Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Tiên Thành – Cao Bằng: vốn điều lệ 120 tỷ đồng. Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Sử Pán 2 – Lào Cai: vốn điều lệ 140 tỷ đồng. Công ty nắm giữ 20% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Đăkdi4 – Quảng Nam: công suất 15 MW. Công ty góp 10% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Nho Quế – Hà Giang: công suất 32 MW. Công ty góp 12% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Bắc Giang – Lạng Sơn: Công ty góp 22% vốn điều lệ.

+ Dự án thủy điện Đăken2 – Lâm Đồng: công suất 7,5 MW. Công ty góp 54% vốn điều lệ. Dự án này giao cho Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà làm chủ đầu tư.

+ Dự án thủy điện Bảo Lâm: Công ty góp vốn từ 7% - 10% vốn điều lệ.

+) *Nhóm đầu tư tài chính khác:*

+ Góp vốn vào Công ty cổ phần khoáng sản và luyện kim Việt Nam: 7,7 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty cổ phần PV – Inconess: 25 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty CP Khoáng sản Đông Bắc: 22 tỷ đồng

+ Góp vốn vào Công ty cổ phần sắt Thạch Khê – Hà Tĩnh: 0,3 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty TNHH hoá chất – Muối mỏ Việt Lào: 7,5 tỷ đồng.

b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ngoài việc phát huy và giữ vững ngành nghề truyền thống, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư dài hạn vào các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, đầu tư tài chính vào các Công ty khác mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh cho phù hợp với xu thế hội nhập của đất nước đảm bảo cho công ty phát triển một cách vững mạnh.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2009.

Từ khi chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế của Công ty cổ phần. Công ty đã khẳng định được sự tồn tại và phát triển bền vững. Đội ngũ CBCNV đã từng bước được sắp xếp lại, ổn định và có trình độ về quản lý cũng như tay nghề được nâng lên đáp ứng sự đòi hỏi ngày một khắt khe của thị trường.

Năm 2009 Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành vượt mức một cách toàn diện các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đời sống của CBCNV ngày một tăng và không ngừng được nâng cao.

II.1- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2009 (Báo cáo Công ty mẹ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	TH 2009	TỶ LỆ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	477.934.000	615.754.572	129%
2	Doanh thu	10 ³ đ	412.436.850	534.672.236	130%
3	Lợi nhuận	10 ³ đ	30.094.052	36.620.803	122%
4	Nộp ngân sách	10 ³ đ	12.811.025	29.980.132	234%
5	Thu nhập b/q CBCNV	10 ³ đ	4.100	5.168	122%
6	Tỷ lệ cổ tức	%	16%	18%	112,5%

II.2 - MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	TH 2009	TỶ LỆ
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	785.674.325	883.896.905	
2	Nợ phải thu khách hàng	10 ³ đ	63.560.000	64.488.130	
3	Nợ phải trả người bán	10 ³ đ	59.687.000	86.361.585	
4	Vay ngắn hạn đến cuối kỳ	10 ³ đ	80.000.000	123.474.399	
5	Vay dài hạn đến cuối kỳ	10 ³ đ	36.222.000	34.487.875	
6	Nguồn vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	329.346.052	333.917.821	
7	Vốn điều lệ	10 ³ đ	90.000.000	90.000.000	
8	Các quỹ	10 ³ đ	15.92.4000	15.575.207	
9	Thặng dư vốn	10 ³ đ	192.828.570	192.828.570	
10	Lợi nhuận chưa chia	10 ³ đ	30.094.052	34.873.559	
11	Tỷ lệ LN/VCSH	%	22,6	27,7	
12	Tỷ lệ LN/Doanh thu	%	7,3	6,6	
13	Thu nhập/1 cổ phiếu theo mệnh giá (EPS)	đ	3.344	3.875	
14	Giá TT/Thu nhập (PE) tại ngày (31/12/2009)			13	

Mặc dù Công ty mới chuyển sang mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, khả năng thích ứng với thị trường còn có nhiều hạn chế. Năm 2009 với rất nhiều khó khăn trước mắt đặc biệt sự biến động rất phức tạp của thị trường cộng với nền suy thoái của kinh tế thế giới Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự phấn đấu của tập thể CBCNV trong Công ty. Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua

II.3-NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

1- Về đầu tư:

- Thực hiện đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản Tây Giang Cao Bằng.
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Tiên Thành – Cao Bằng
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Nậm He – Điện Biên.
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Yantansien – Lâm Đồng
- Triển khai các công việc mua lại phần vốn của các cổ đông khác tại Công ty CP Năng lượng Cao Bằng, Công ty CP NL Sông Đà Điện Biên và chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên do Công ty CP Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.
- Đầu tư góp 51% phần vốn tăng thêm tại Công ty CP Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà 7 (Tăng vốn từ 80 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng)
- Đầu tư góp vốn tăng vốn điều lệ khi Công ty CP TĐ Nậm Thi – Sông Đà 7 (Công ty cổ phần Sông Đà 7.02) tăng vốn từ 15.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng để nắm giữ 51% Vốn điều lệ.
- Tham gia góp vốn thành lập Công ty CP tư vấn kỹ thuật Xây dựng với giá trị tham gia góp là 1 tỷ đồng tương đương 20% VDL.
- Tham gia góp 20% VDL vào Công ty CP khoáng sản Đông Bắc để khai thác mỏ đồng
- Thực hiện mua lại 50% VDL Công ty TNHH DX và KD VLXD Tây Bắc và chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 7.01 do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% VDL.
- Triển khai đề án mua lại phần vốn của cổ đông Tổng công ty Sông Đà tại Công ty CP Sông Đà 8.
- Nghiên cứu phương án tham gia góp 98,5% VDL Công ty TNHH đồ gỗ Yên Sơn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại – Dịch vụ và Nhà ở cao cấp An Khánh thuộc huyện Hoài Đức – TP Hà Nội

2- Về chiến lược kinh doanh:

- Phát huy ngành nghề truyền thống của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp.
- Mở rộng và phát triển ngành nghề mới là: Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành các Nhà máy Thủy điện vừa & nhỏ, đầu tư tài chính vào các Công ty khác.
- Đa dạng hoá sản phẩm, giữ vững và phát huy thương hiệu Sông Đà trên thị trường.

3- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

a- Thị trường:

- *Về xây lắp:* Các công trình trọng điểm của Nhà nước và các địa bàn các tỉnh phía Bắc.
- *Về Thủy điện:* Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện tại khu vực Tây nguyên, Tây Bắc và Đông Bắc tạo tiền đề để vươn ra các nước láng giềng.

- Về đầu tư: Nghiên cứu kỹ thị trường bất động sản để tập trung đầu tư một số dự án bất động sản tại Hà Nội để mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

4- Mục tiêu:

- Đến năm 2011 Công ty quản lý và vận hành ít nhất là 04 nhà máy Thủy điện có công suất từ 7,5 MW/ nhà máy trở lên.
- Doanh thu hàng năm tăng từ 5 - 10%.
- Thu nhập bình quân của CBCNV tăng 10 - 15%/ năm.
- Đảm bảo cổ tức ổn định hàng năm từ 16%-20%.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

III.1 Báo cáo tài chính:

1. Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1.	Tỷ suất sinh lời			
1.1	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7,2	6,8
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	7,2	6,5
1.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,2	4,1
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,2	3,9
1.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	31,18	38,75
2.	Khả năng thanh toán	Lần		
2.1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,23	1,6
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,5	0,82
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,51
3.	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
3.1	Bố trí cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39,7	49
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60,3	51
3.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	44,8	62
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	55,2	78

2. Những biến động và thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến những biến động:

Để phù hợp với xu hướng phát triển kinh doanh. Năm 2009 Công ty cổ phần Sông Đà 7 có một số sự thay đổi về mặt cơ cấu tổ chức, nhân sự như sau:

2.1 Về tổ chức sản xuất:

- Thực hiện mua lại 50% vốn điều lệ tại Công ty SX và KD VLXD Tây Bắc để chuyển thành Công ty TNHH do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% VDL và đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 7.01.

- Tháng 12/2009 thành lập Phòng Đầu tư Công ty để theo dõi quản lý các dự án đầu tư của Công ty.

2.2 Về tổ chức nhân sự:

- Ông Phạm Văn Hưng - Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng KTKH Công ty thôi kiêm giữ chức Trưởng Phòng KTKH để tập trung thực hiện công việc Phó Tổng giám đốc Công ty.

3. Giá trị tổng tài sản theo sổ sách theo bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2009: 883.896.904.664 đồng.

4. Những thay đổi về vốn cổ đông:

5. Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.000.000 cổ phiếu

6. Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Công ty không phát hành trái phiếu.

7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.000.000 cổ phiếu

8. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: 217 cổ phiếu phổ thông

9. Cổ tức năm 2009: Dự kiến 16.200.000.000 đồng (Tỷ lệ chia cổ tức là 18%).

III.2 Báo cáo kết quả kinh doanh: (ĐVT: 1.000 đồng).

T	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ hoàn thành	Kế hoạch năm 2010
1	Tổng GTSX	424.514.549	477.934.000	615.754.572	129%	656.000.000
2	Tổng doanh thu	415.733.422	453.680.935	534.672.236	130%	635.643.000
3	Lợi nhuận	28.060.309	30.094.052	36.620.803	133%	50.100.000
4	Thu nhập CBCNV	3.870	4.100	5.168	126%	5.398

III.3 Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý và biện pháp kiểm soát:

a. Về cơ cấu tổ chức: Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Sông Đà 7, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Sỹ Cát: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Khắc Tiến: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc điều hành.
- Ông Ninh Duy Phóng: Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thanh Kim: Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Quang Dương: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 7 tại Hà Nội
- Ông Nguyễn Thông Hoa : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc **phụ trách Kỹ thuật chất lượng**

b. Chính sách, quản lý và kiểm soát:

- Trong năm 2009 mặc dù gặp nhiều khó khăn do thị trường luôn thay đổi. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty nên Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành toàn diện và vượt mức các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời bố trí, sắp xếp kiện toàn lại bộ máy cụ thể như sau:
- Công ty đã bố trí sắp xếp lại tổ chức sản xuất từ phòng ban đến các đơn vị trực thuộc phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.
- Bổ xung, thay đổi các quy chế quy định trong từng lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa tính tự chủ, chủ động, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giảm chi phí để nâng cao cổ tức cho cổ đông.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ quản lý, tay nghề đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của Công ty, đặc biệt quan tâm đến các dự án thủy điện, dự án bất động sản.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán (*Có báo cáo đã được kiểm toán kèm theo*).

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN(CÓ BÁO CÁO KIỂM TOÁN KÈM THEO).

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập: Chi tiết kèm theo báo cáo kiểm toán.
2. Kiểm toán nội bộ: Công ty không có kiểm toán nội bộ.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

A. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

1. Công ty CP TĐNậm Thi - Sông Đà 7: Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 30.6000.000.000 đồng nắm giữ 51% vốn điều lệ. Đến 31/12/2009 Công ty CP Sông Đà 7 đã góp 10.140.000.000 đồng
2. Công ty cổ phần Sông Đà 7.04: Vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 24.000.000.000 đồng nắm giữ 60% vốn điều lệ.
3. Công ty cổ phần đầu tư Đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7. Vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 61.200.000.000 đồng nắm giữ 51% vốn điều lệ.
4. Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên: Vốn điều lệ 140.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp 28.000.000.000 đồng nắm giữ 20% vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2009 Công ty đã góp được là: 26.500.000.000 đồng).
5. Công ty cổ phần năng lượng Sông Đà Điện Biên: Vốn điều lệ 70.000.000.000 đồng. Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp 35.700.000.000 đồng nắm giữ 51% Vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2009 Công ty đã góp được là: 22.087.766.932 đồng). Công ty đang tiến hành mua lại phần vốn của các cổ đông khác để chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% VDL.
6. Công ty cổ phần Năng lượng Cao Bằng: Vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp 61.200.000.000 đồng nắm giữ 51% Vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2009 Công ty đã góp được là: 29.044.532.727 đồng). Công ty đang tiến hành mua lại phần vốn của các cổ đông khác để chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% VDL.
7. Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7: Vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Công ty CP Sông Đà 7 góp 53.400.000.000 đồng nắm giữ 67% Vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2009 Công ty đã góp được là: 23.087.318.975 đồng).

Ngoài ra Công ty đang tiến hành góp vốn, đầu tư tài chính vào một số Công ty khác dưới dạng đầu tư liên doanh liên kết, đầu tư khác như Công ty CP Khoáng sản Đông Bắc Cao bằng, Công ty cổ phần đầu tư PV – Incones; Thủy điện Nho Quế;; Công ty cổ phần khoáng sản và luyện kim; Công ty cổ phần năng lượng Someco 1; Công ty cổ phần sắt Thạch Khê – Hà Tĩnh; Công ty TNHH hoá chất muối mỏ Việt Lào....

B. Công ty/ tổ chức có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp vào Sông Đà 7: không

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

VII.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

1- Cơ cấu tổ chức của Công ty từ khi thành lập Công ty cổ phần:

A- Bộ máy điều hành:

a- Ban giám đốc.

b- Các phòng chức năng:

1. Phòng Tổ chức hành chính.
2. Phòng Tài chính kế toán
3. Phòng Kinh tế kế hoạch
4. Phòng Kỹ thuật chất lượng
5. Phòng Quản lý cơ giới
6. Phòng Thi công an toàn.
7. Phòng Đầu tư

B- Các đơn vị trực thuộc:

1. Xí nghiệp Sông Đà 7.05 hoạt động SXKD tại Sơn La và Quảng Bình.
2. Xí nghiệp Sông Đà 7.06 hoạt động SXKD tại Sơn La và Điện Biên.
3. Xí nghiệp Sông Đà 7.07 hoạt động SXKD tại Sơn La và Tuyên Quang.
4. Xí nghiệp cơ khí hoạt động SXKD tại Sơn La.
5. Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 7 tại Hà Nội hoạt động đầu tư tại Hà Nội

2- Các thay đổi về tổ chức sản xuất trong năm:

- Tháng 12/2009 Thành lập phòng Đầu tư để theo dõi và quản lý toàn bộ các các dự án đầu tư của Công ty.

VII.2 TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

1- Nguyễn Khắc Tiến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958

Nơi sinh: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830928

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1979 Học nghề tại Liên Xô

* Từ 1979 – 1985 Làm công nhân tại Công trình ngầm

* Từ 1985 – 1992 Làm Đội trưởng tại Công ty Công trình ngầm

- * Từ 1992 – 1997 Làm Kỹ thuật tại Công trình ngầm
- * Từ 1997 – 2002 Làm PGĐXN 702
- * Từ 2002 – 2005 Làm GĐXN Sông Đà 705
- * Từ 2005 đến tháng 4/2007 làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- * Từ tháng 4/2007 đến nay làm Tổng giám đốc kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 – Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 704.

2- Vũ Quang Dương

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955
 Nơi sinh: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình
 Địa chỉ thường trú: P.107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830856
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

- * Từ 1972 – 1977 Bộ đội – Phục vụ trong các đơn vị thuộc QK3, QĐ2
- * Từ 1977 – 1982 Sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội
- * Từ 1982 – 1988 Kỹ sư XD – CB KT, Đội trưởng, PGĐXN Cty XD Thủy công
- * Từ 1988 – 1989 Kỹ sư XD - Đội trưởng - Đoàn Badush – Iraq
- * Từ 1990 – 1993 Kỹ sư XD – PGĐ CN Công ty Thủy công tại Italy
- * Từ 1993 – 2003 Kỹ sư XD – PGĐXN, PGĐ Công ty, GĐ Công ty SĐ 4 tại Italy
- * Từ 2003 – 2004 Kỹ sư XD – PGĐ BĐHDA Thủy điện Tuyên Quang
- * Từ 2004 đến nay Kỹ sư XD – PGĐ Công ty Sông Đà 7 tại Sơn La

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty – Thành viên hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7; Ủy viên HĐQT công ty cổ phần năng lượng Điện Biên.

3 - Nguyễn Văn Bút

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1958

Nơi sinh: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 26 – P. Tân Thịnh – TP Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830929

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

* Từ 1983 – 1984 Làm kỹ thuật

* Từ 1985 – 1986 Làm Phó phòng QLCG Công ty Sông Đà 7

* Từ 1987 – 1989 Làm Phó Quản đốc các phân xưởng S/c bê tông

* Từ 1990 – 1993 Làm PGĐ Xí nghiệp

* Từ 1994 – 2001 Làm PGĐXN sau đó làm Trưởng phòng QLCG

* Từ 2002 làm PGĐ Công ty Sông Đà 7

* Công tác liên tục ở Công ty Sông Đà 7 từ 1983 đến nay

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7,
Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 701

4- Nguyễn Thông Hoa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1957

Nơi sinh: Xã Tự Nhiên – Thường Tín – Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Tự Nhiên – Thường Tín – Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: Phường Phương Lâm – TP. Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 831361

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1978: Học tại Liên Xô

* Từ 1978 – 1985: Công ty thủy công

* Từ 1985 – 1992: Chủ công trình gian máy

* Từ 1992 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp thủy công

- * Từ 1997 – 2000: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp 1
- * Từ 2000 – 2002: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- * Từ 2002 – tháng 7/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 701.
- * Từ tháng 7/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7; Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7

5- Phạm Văn Hưng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/05/1969

Nơi sinh: Nhật Tân – Gia Lộc – Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nhật Tân – Gia Lộc – Hải Dương.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 23 Phố Nguyễn Quý Tân, Phường Phạm Ngũ Lão, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.3830.856

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây Dựng.

* Từ 1985 – 1995: Công nhân Công ty Thuỷ Công

* Từ 1996 – 2000: Học tại trường Đại học Xây Dựng

* Từ 2000 – 2002: Làm đội trưởng Đội xây lắp – Công ty Sông Đà 7

* Từ 2002 – 2003: Làm Phó ban Kỹ thuật kiêm khu trưởng

* Từ 2003 – 2005: Làm phó Giám đốc Xí Nghiệp 705

* Từ 2005 – 6/2008: Làm Giám đốc Xí Nghiệp 705

* Từ 7/2008 đến nay: Làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

6- Nguyễn Hồng Trường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/8/1981.

Nơi sinh: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830925

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

* Từ 1999 – 2003: Sinh viên Học viện Tài Chính.

* Từ tháng 7/2003 – 11/2006: Công tác tại phòng TCKT – Công ty cổ phần Sông Đà 7

* Từ 12/2006 – 7/2007: Làm phó Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 8/2007 đến nay: Làm Kế toán trưởng công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty; Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà 7.

VII.3- QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

Các chế độ về lương, thưởng và các quyền lợi khác của các thành viên trong Ban giám đốc được hưởng theo Quy chế nội bộ của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt trên nguyên tắc hưởng theo lao động và theo các Quy định chung của Nhà nước và của Tổng công ty. Riêng tiền lương của Tổng giám đốc điều hành được hưởng theo Hợp đồng thuê Giám đốc được ký kết giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc điều hành trên các tiêu chí về kết quả SXKD và đời sống của người lao động.

VII.4 SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.

1. Số lượng cán bộ công nhân viên đến thời điểm 31/12/2009.

Tổng số CBCNV: 1.127 người.

Trong đó:

* Cán bộ gián tiếp : 243 người.

- Trên đại học : 0 người.

- Đại học : 152 người.

- CN-CD : 21 người.

- Trung cấp : 61 người.

- SC-NV : 0 người.

* Công nhân trực tiếp sản xuất: 884 người.

- Công nhân kỹ thuật: 709 người.

- LDPT : 175 người.

2. Các chính sách đối với người lao động:

- Công ty đã xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định nội bộ nhằm thu hút cán bộ có trình độ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, trẻ, khoẻ, đồng thời xử lý nghiêm minh các vi phạm về kỷ luật lao động.

- Đảm bảo đầy đủ về chế độ cho người lao động theo Luật định.
- Quan tâm đến đời sống của CBCNV kể cả về vật chất lẫn tinh thần.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

VIII.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1- Nguyễn Sỹ Cát

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/9/1959

Nơi sinh: Nghi Thái - Nghi Lộc - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghi Thái - Nghi Lộc - Nghệ An

Địa chỉ thường trú: P. Văn Mỗ - TX Hà Đông - Hà Tây

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830.786

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi - CN Luật

Quá trình công tác:

* Năm 1982 tốt nghiệp Đại học về công tác tại Cty Thủy công TCT SĐ

* Chức vụ đã qua: Kỹ thuật, Đội trưởng, Chủ công trình, PGĐ xí nghiệp Thủy công 1, PGĐ xí nghiệp 601, PGĐ Công ty Sông Đà 7, GD Công ty Sông Đà 7, Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà; Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần năng lượng Cao Bằng.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.230 CP

Số cổ phần đại diện vốn Nhà nước:

Số cổ phần của những người có liên quan: không

b. Thành viên Hội đồng quản trị:

* Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: NGUYỄN KHẮC TIẾN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958

Nơi sinh: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830928

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1979 Học nghề tại Liên Xô

* Từ 1979 – 1985 Làm công nhân tại Công trình ngầm

* Từ 1985 – 1992 Làm Đội trưởng tại Công ty Công trình ngầm

* Từ 1992 – 1997 Làm Kỹ thuật tại Công trình ngầm

* Từ 1997 – 2002 Làm PGĐXN 702

* Từ 2002 – 2005 Làm GĐXN Sông Đà 705

* Từ 2005 đến tháng 4/2007 làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ tháng 4/2007 đến nay làm Tổng giám đốc kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 – Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 704.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 3.986

Số cổ phần của những người có liên quan: không

*** Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: **VŨ QUANG DUỠNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Nơi sinh: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình

Địa chỉ thường trú: P. 107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830.856

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- * Từ 1972 – 1977 Bộ đội – Phục vụ trong các đơn vị thuộc QK3, QĐ2
- * Từ 1977 – 1982 Sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội
- * Từ 1982 – 1988 Kỹ sư XD – CB KT, Đội trưởng, PGĐXN Cty XD Thủy công
- * Từ 1988 – 1989 Kỹ sư XD - Đội trưởng - Đoàn Badush – Iraq
- * Từ 1990 – 1993 Kỹ sư XD – PGĐ CN Công ty Thủy công tại Italy
- * Từ 1993 – 2003 Kỹ sư XD – PGĐXN, PGĐ Công ty, GD Công ty SĐ 4 tại Italy
- * Từ 2003 – 2004 Kỹ sư XD – PGĐ BDHDA Thủy điện Tuyên Quang
- * Từ 2004 đến nay Kỹ sư XD – PGĐ Công ty Sông Đà 7 tại Sơn La

Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty – Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 14.198

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

Họ và tên: **NINH DUY PHÓNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1964

Nơi sinh: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định

Địa chỉ thường trú: Hạ Đình – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế ô tô

Quá trình công tác:

+ Từ năm 1989 đến nay công tác tại Tổng công ty Sông Đà

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc BDHAD Thủy điện Sơn La – Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

Số CP đại diện vốn nhà nước: 100.000 CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ tư:**

Họ và tên: NGUYỄN THÔNG HOA

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1957

Nơi sinh: Xã Tự Nhiên – Thường Tín – Hà Tây.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Tự Nhiên – Thường Tín – Hà Tây.

Địa chỉ thường trú: Phường Phương Lâm – TP. Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 831361

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thuỷ Lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1978: Học tại Liên Xô

* Từ 1978 – 1985: Công ty thuỷ công

* Từ 1985 – 1992: Chủ công trình gian máy

* Từ 1992 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp thuỷ công

* Từ 1997 – 2000: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp 1

* Từ 2000 – 2002: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 2002 – tháng 7/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 701.

* Từ tháng 7/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: không

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

2. BAN KIỂM SOÁT:

*** Thành viên thứ nhất - Trưởng ban kiểm soát:**

Họ và tên: **VŨ ĐỨC QUANG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/08/1967

Nơi sinh: TT Nho Quan – Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: TT Nho Quan – Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 100 – P. Hoàng Cầu – P. Ô Chợ Dừa - Đống Đa – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830.721

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

+ Từ năm 1991 đến nay công tác tại Tổng công ty Sông Đà

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng BÐHDA HH4 của Tổng công ty Sông Đà – Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: không

Số cổ phần đại diện vốn Nhà nước: 50.000 CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: **PHẠM VĂN HOẠT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 31/08/1966

Nơi sinh: Tân Phương – Ứng Hoà - Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tân Phương – Ứng Hoà - Hà Tây

Địa chỉ thường trú: P. Tân Thịnh – TX Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.214.606

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

+ Từ 1984 - 1987 làm công nhân

+ Từ 1987 - 1998 nhân viên phòng TC lao động tiền lương

+ Từ 1998 - 2002 nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty Sông Đà 7 tại Sơn La

+ Từ 2002 – 2005 Trưởng ban TCKT Chi nhánh Sơn La

+ Từ 2005 – 2006 Phó kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

+ Từ 2006 - 11/2009 Trưởng ban TCKT Xí nghiệp Sông Đà 706.

+ Từ tháng 12/2009 Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 8

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 8 - Thành viên BKS

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 13.324

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

Họ và tên: **PHẠM ĐÌNH HÙNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/06/1979

Nơi sinh: Thôn Trung Lao, Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thôn Trung Lao, Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Thôn Trung Lao, Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830.990

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 2004 đến Tháng 12/2008: Công tác tại Công ty Cổ phần Sông Đà 7

+ Tháng 01/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 704

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 704

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT; BAN KIỂM SOÁT.

3.1 Hoạt động của Hội quản trị:

- Ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác năm 2009, chương trình công tác hàng quý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Hội Đồng quản trị họp mỗi quý một lần để kiểm tra tình hình thực hiện công việc củ từng thành viên cũng như Ban giám đốc điều hành và xây dựng kế hoạch sản xuất ở quý tiếp theo giao Ban giám đốc triển khai thực hiện.

- Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát sao trong từng kỳ báo cáo. chỉ đạo điều hành các đơn vị thành viên (Công ty con, Xí nghiệp trực thuộc) tuân thủ điều lệ Công ty, điều lệ Công ty con, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

-Xây dựng các biện pháp cụ thể và tập trung chỉ đạo Công ty tổ chức sản xuất, huy động tối đa nguồn lực để triển khai thực hiện, khẳng định được sự tồn tại và phát triển bền vững.

- Trong năm 2009, trên cơ sở các quy định mới ban hành của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành kịp thời các quy chế quản lý nội bộ, các dự án đầu tư, bộ máy tổ chức, nhân sự ... tạo điều kiện để Ban giám đốc điều hành triển khai công việc.

3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Với nguyên tắc chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, lấy ngăn chặn phòng ngừa làm mục tiêu chính; đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2009 bao gồm cụ thể như sau :

1. Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2009 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty.
 2. Kiểm soát việc ban hành các hệ thống quản lý nội bộ: Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát trước và sau khi Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ; tham gia đóng góp ý kiến ngay trong quá trình dự thảo.
 3. Thực hiện kiểm tra giám sát tính phù hợp về thẩm quyền trong việc ban hành quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; trình tự ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
 4. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 5. Hàng quý sau mỗi kỳ quyết toán. Ban kiểm soát thực hiện thẩm định, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của ban Giám đốc, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.
 6. Tổ chức thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty năm 2009; báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009; báo cáo tài chính năm 2009.
 7. Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- * Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty.**

- Hội đồng quản trị tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đề ra các chủ trương, kế hoạch, giải pháp giao cho Ban giám đốc tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nội dung trên.

- Yêu cầu Ban giám Đốc điều hành thường xuyên báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ để chỉ đạo cũng như đưa ra các điều chỉnh cần thiết cho phù hợp .

- Hội đồng quản trị cần phân công rõ ràng từng lĩnh vực phục trách cho các thành viên để nâng cao hơn hiệu quả của công tác quản lý.

- Mức thù lao áp dụng đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2009:

+ Chủ tịch hội đồng quản trị (Hoạt động chuyên trách): 30.000.000 đồng/tháng.

+ Thành viên hội đồng quản trị (Hoạt động kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/tháng.

+ Trưởng Ban kiểm soát (Hoạt động kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/tháng.

+Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.

Thù lao được quyết toán theo tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2009 là 494.400.000, đồng, cụ thể như sau

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		336.000.000	
1	Nguyễn Sỹ Cát	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	4 tháng
2	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên HĐQT	72.000.000	
3	Vũ Quang Dưỡng	Ủy viên HĐQT	72.000.000	
4	Ninh Duy Phóng	Ủy viên HĐQT	72.000.000	
5	Nguyễn Thông Hoa	Ủy viên HĐQT	72.000.000	
II	Ban Kiểm soát		129.600.000	
1	Vũ Đức Quang	Trưởng BKS	72.000.000	
2	Phạm Văn Hoạt	Thành viên BKS	28.800.000	
3	Phạm Đình Hùng	Thành viên BKS	28.800.000	
III	Thư ký Công ty		28.800.000	
1	Trần Văn Quỳnh	Thư ký Công ty	28.800.000	
	Tổng cộng		494.400.000	

D .Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty. 04 người

E. Thông tin các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Cổ đông lớn: không có giao dịch

Cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	
			01/01/2009	31/12/2009
1	Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông sáng lập	2.724.800	2.724.800
1	Nguyễn Sỹ Cát	Cổ đông sáng lập - Chủ tịch HĐQT	9.230	9.230
2	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên HĐQT	3.986	3.986
3	Vũ Quang Dương	Cổ đông sáng lập - Ủy viên HĐQT	14.198	14.198
4	Nguyễn Văn Bút	Phó Tổng giám đốc	3.151	51
5	Phạm Văn Hoạt	Thành viên BKS	13.324	13.324

G. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Ban kiểm soát:

- Chi phí hoạt động của Hội đồng của Hội đồng quản trị như: Chi phí hoạt động của văn phòng Hội đồng quản trị, chi phí tổ chức các phiên họp, công tác phí phục vụ cho công việc của Công ty được tính vào chi phí chung của công ty trên cơ sở hợp lý và có hoá đơn chứng từ hợp lệ theo nguyên tắc kế toán tài chính của Công ty.

VIII.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG ĐẾN 15/3/2010

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	SS CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ đông trong nước	3.736	8.700.451	96,67%
1	Cá nhân	3.688	5.649.717	62,77%
2	Tổ chức	48	3.050.734	33,9%
	<i>Trong đó: Cổ đông lớn Tổng công ty Sông Đà</i>		2.724.800	30,3%
II	Cổ đông nước ngoài	75	299.332	3,326%
1	Cá nhân	71	190.883	2,121%
2	Tổ chức	04	108.499	1,2%
III	Cổ phiếu quỹ		217	0,002%
	Tổng cộng		9.000.000	100%

2.1 Cổ đông Nhà nước

Tên cổ đông: Tổng công ty Sông Đà

Địa chỉ: Nhà G10, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng
Số lượng cổ phần sở hữu: 2.724.800 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu: 30,3%

2.2. Cổ đông sáng lập

a. Tổng công ty Sông Đà (Như trên)

b. Ông Nguyễn Sỹ Cát

Họ và tên: Nguyễn Sỹ Cát

Ngày tháng năm sinh: 03/9/1959

Địa chỉ thường trú: P. Văn Mỗ - TX Hà Đông - Hà Tây

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi - CN Luật

Số lượng cổ phần sở hữu: 9.230 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 0,1%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong năm 2009: Không

c. Ông Vũ Quang Dương

Họ và tên: Vũ Quang Dương

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Địa chỉ thường trú: P. 107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830.856

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

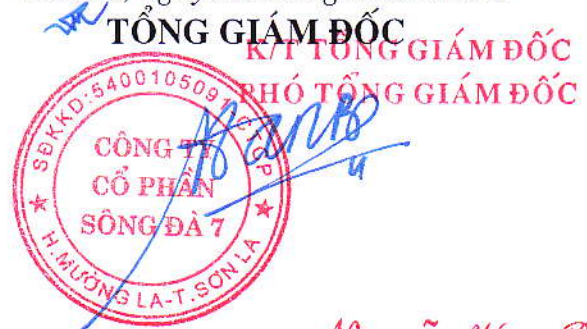
Số lượng cổ phần sở hữu: 14.198

Tỷ lệ sở hữu: 0,16%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong năm 2009: Không

2.3 Cổ đông nước ngoài: Công ty không có cổ đông lớn là cổ đông nước ngoài

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2010



Nguyễn Văn Bút



Số : 56 /2010/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Sông Đà 7*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Sông Đà 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2010

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỨNG

Chứng chỉ KTV số : 0285/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUANG HUY

Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	TÀI SẢN			
100	A. Tài sản ngắn hạn		452.528.133.470	346.547.885.413
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	11.559.540.582	8.473.416.984
111	1. Tiền		6.559.540.582	8.473.416.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	7.580.463.487	34.951.270.225
121	1. Đầu tư ngắn hạn		7.727.662.980	39.489.581.670
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(147.199.493)	(4.538.311.445)
130	III. Các khoản phải thu		255.150.661.761	136.480.589.124
131	1. Phải thu của khách hàng		64.488.129.606	43.185.253.412
132	2. Trả trước cho người bán		131.140.740.802	72.129.558.935
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	59.521.791.353	21.165.776.777
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	167.191.209.738	156.543.402.898
141	1. Hàng tồn kho		167.191.209.738	156.543.402.898
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.046.257.902	10.099.206.182
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		285.288.328	107.553.305
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		952.529.563	1.043.683.099
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	9.808.440.011	8.947.969.778
200	B. Tài sản dài hạn		431.368.771.194	228.370.436.649
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		69.118.444.077	32.926.696.220
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	54.221.484.221	24.581.539.777
222	- Nguyên giá		132.039.235.126	89.083.398.018
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(77.817.750.905)	(64.501.858.241)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.7	14.896.959.856	8.345.156.443
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		358.689.317.254	191.124.471.683
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.8	276.249.618.634	97.585.990.134
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.9	400.000.000	14.400.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.10	82.039.698.620	79.138.481.549
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.561.009.863	4.319.268.746
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	3.561.009.863	4.293.868.746
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	25.400.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		883.896.904.664	574.918.322.062

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả		549.979.083.227	257.794.799.291
300	I. Nợ ngắn hạn		513.800.345.381	247.475.978.189
301	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	123.474.398.836	17.466.049.817
302	2. Phải trả cho người bán		86.361.584.985	47.985.663.777
303	3. Người mua trả tiền trước		130.586.643.660	119.933.795.985
304	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	14.904.460.118	5.093.440.024
305	5. Phải trả người lao động		14.759.858.608	7.056.266.418
306	6. Chi phí phải trả	V.14	28.765.212.203	2.580.991.225
309	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.15	114.948.186.971	47.359.770.943
300	II. Nợ dài hạn		36.178.737.846	10.318.821.102
304	4. Vay và nợ dài hạn	V.16	34.487.875.000	8.989.000.000
306	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.690.862.846	1.329.821.102
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu		333.917.821.437	317.123.522.771
400	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.17	333.775.166.751	316.601.794.263
401	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
402	2. Thặng dư vốn cổ phần		192.828.570.000	192.828.570.000
404	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.170.000)	(2.170.000)
407	7. Quỹ đầu tư phát triển		13.186.181.974	4.577.149.919
408	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.389.026.186	1.119.723.838
409	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		500.000.000	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.18	34.873.558.591	28.078.520.506
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
400	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		142.654.686	521.728.508
401	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		142.654.686	521.728.508
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		883.896.904.664	574.918.322.062

Người lập biểu



NGUYỄN TUẤN ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG

Lập ngày 02 tháng 02 năm 2010



Tổng Giám đốc

NGUYỄN KHẮC TIẾN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	514.517.505.875	394.452.951.352
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.20	2.310.342.794	2.523.391.666
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.21	512.207.163.081	391.929.559.686
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.22	449.022.261.574	352.178.539.851
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.184.901.507	39.751.019.835
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.23	14.158.018.270	12.624.494.936
22	7. Chi phí tài chính	VI.24	7.619.680.839	10.629.369.451
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.000.256.396	6.086.263.006
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		33.744.228.167	21.673.465.731
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.979.010.771	20.072.679.589
31	11. Thu nhập khác	VI.25	8.307.055.328	11.179.367.147
32	12. Chi phí khác	VI.26	7.665.263.411	3.191.738.198
40	13. Lợi nhuận khác		641.791.917	7.987.628.949
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.620.802.688	28.060.308.538
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.27	1.747.244.097	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.873.558.591	28.060.308.538

Người lập biểu

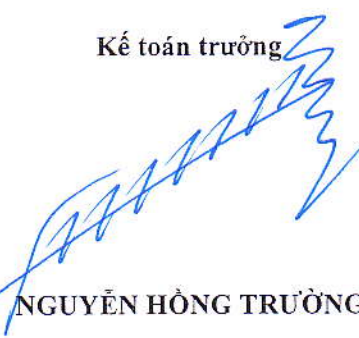
Kế toán trưởng

Lập ngày 02 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TUẤN ANH



NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG



NGUYỄN KHẮC TIẾN